

Bản án số: 282/2019/HS-PT  
Ngày 23-9-2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Triệu Thị Huỳnh Hoa;

*Các Thẩm phán:* Bà Hoàng Thị Thu Minh;

Bà Phan Thị Thu Hương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Mỹ Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Văn Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 186/2019/TLPT-HS, ngày 01 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Lê Quang L do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2019/HS-ST, ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện N.

*Bị cáo có kháng cáo:* **Lê Quang L**, sinh năm 1990 tại Đồng Nai. Nơi đăng ký thường trú: Ấp A, xã B, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh P, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1963; chưa có vợ con.

Tiền án: Ngày 25/8/2017, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số: 209/2017/HS-PT, đến ngày 04/6/2018 đã chấp hành xong.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/12/2018. (Có mặt)

*Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Phạm Văn M – Văn phòng luật sư S, Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: phường T, thành phố C, tỉnh Đồng Nai.

Ngoài ra, còn có bị hại không có kháng cáo; không triệu tập.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 00 phút ngày 31/12/2018, Lê Quang L điều khiển xe mô tô biển số 60T5-0050 của bà Huỳnh Thị Ngọc D, sinh năm 1959 đến các khu nhà trọ tại khu vực xã E, huyện N xem có phòng trọ nào sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi L đến đây nhà trọ ở khu vực ấp R, xã E, huyện N thì thấy phòng trọ của chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994 đang tạm trú tại nhà trọ của ông Nguyễn Đăng K để cửa hé mở, bên trong không có người, L liền để xe mô tô bên ngoài và đi vào trong phòng. Khi vào phòng trọ, L thấy 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 của chị H đang sạc pin trên ghế và lấy bỏ vào túi quần. Sau đó, L tiếp tục lấy 01 túi xách da của chị H đang treo trên tường, bên trong túi xách đựng số tiền 1.516.000 đồng và 02 nhẫn vàng 18K, mỗi chiếc 0,5 chỉ đem giấu vào bụng dưới lớp áo L đang mặc. Khi L chuẩn bị đi ra thì bị chị H phát hiện tri hô, người dân xung quanh cùng lực lượng Công an xã E bắt quả tang cùng tang vật.

Tại kết luận định giá tài sản số: 01/KLĐG-HĐĐG, ngày 07/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N xác định: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J2 có giá trị 1.360.000 đồng; 02 nhẫn vàng 18K có đính hột đá, trọng lượng mỗi chiếc 0,5 chỉ, giá trị 02 chiếc nhẫn vàng là 2.800.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 4.160.000 đồng.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2019/HS-ST, ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện N đã quyết định:*

Tuyên bị cáo Lê Quang L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Lê Quang L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2018.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 29/5/2019, bị cáo Lê Quang L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

*Tại phiên tòa phúc thẩm, luật sư Phạm Văn M bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm:*

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng quy định pháp luật. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả cho bị hại; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, mẹ đi xuất cảnh trái phép, cha tình nguyện tham gia bảo vệ biên giới khi đất nước mới giải phóng và hiện đang bị bệnh nan y; bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và đang bị bệnh do tác động của tai nạn lao động; di ruột của bị cáo là liệt sĩ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:*

Hành vi của bị cáo Lê Quang L đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét xử bị cáo mức án 01 năm 06 tháng tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp bằng Tổ quốc ghi công của di ruột của bị cáo, đơn xác nhận gia đình có hoàn cảnh khó khăn là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào khoảng 13 giờ 00 phút ngày 31/12/2018, tại phòng trọ của chị Nguyễn Thị H (ấp R, xã E, huyện N), bị cáo đã lén lút trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J2 và 02 nhẫn vàng 18K có đính hột đá, trọng lượng mỗi chiếc 0,5 chỉ của chị H. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 4.160.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và kết án bị cáo Lê Quang L phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh tại địa phương. Xét bị cáo có 01 tiền án, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả cho bị hại là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp bằng Tổ quốc ghi công của liệt sĩ Nguyễn Thị V (di ruột của bị cáo), đơn xác nhận gia đình chính sách – neo đơn là tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội thực hiện, không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết lại.

[4] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo:

Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Lê Quang L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Quang L; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2019/HS-ST, ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện N.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

1. Xử phạt: Bị cáo Lê Quang L **01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2018.

2. Về án phí: Bị cáo Lê Quang L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện N;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**  
**Triệu Thị Huỳnh Hoa**